

# THƯ VIỆN MỞ: Ý TƯỞNG VÀ MÔ HÌNH THỰC TẾ

ThS. Thái Thị Thu Thảo<sup>1</sup>

Frank Zappa đã nói “Nếu bạn muốn tìm thấy mục đích của cuộc đời, hãy học đại học. Nếu bạn muốn được giáo dục, hãy đến thư viện”. Xây dựng mô hình đại học luôn đi đôi với xây dựng mô hình thư viện tương ứng để trong đó, người học được cung cấp các tài nguyên cần thiết, được đào tạo, được đánh giá và được công nhận. Vì vậy, khi đặt vấn đề tiếp cận giáo dục mở ở bậc đại học, thiết nghĩ chúng ta cần bàn luận về đặc điểm và mô hình thực tế để định hướng xây dựng, phát triển thư viện mở phục vụ, hỗ trợ mục đích đào tạo đó. Thư viện mở được lựa chọn để thay thế thư viện truyền thống bởi nó phù hợp với xu hướng giáo dục mở: đáp ứng khả năng tiếp cận rộng mở và chi trả tối thiểu (thậm chí miễn phí) đối với người dùng tin, người học tham gia hệ thống giáo dục mở; bởi nó phù hợp với bước tiến công nghệ khi ứng dụng được thành tựu công nghệ số vào thư viện: tài nguyên truy cập mở đa dạng loại hình tài liệu (ebook, video, audio, hình ảnh, ...), truy cập và sử dụng trên đa dạng nền tảng và thiết bị (máy tính, điện thoại di động, ipad, ...).

## 1. ĐẶC ĐIỂM CỦA THƯ VIỆN MỞ

Trong phần này, chúng tôi muốn đưa ra và đề xuất các đặc điểm, tiêu chuẩn của thư viện mở phục vụ cho quá trình giáo dục mở ở bậc đại học. Cần nói rõ trước khi đi vào chi tiết bởi hiện nay, thư viện mở phục vụ cho nhiều mục đích khác nhau, không chỉ giáo dục; thư viện mở hỗ trợ cho nhu cầu học tập – đào tạo trải rộng khắp các bậc học, không riêng bậc đại học; thư viện mở đa số không nằm trong trường đại

---

<sup>1</sup> Thư viện Trường Đại học Văn Lang.

học mở hay chương trình giáo dục đại học mở; khái niệm thư viện mở trước đây được hiểu như là thư viện trực tuyến lưu trữ phiên bản số hóa của các xuất bản phẩm không còn bản quyền. Các trường đại học mở/ chương trình đào tạo đại học mở cũng tổ chức thư viện để phục vụ cho chiến lược, mục tiêu đào tạo của mình; và mô hình này sẽ được đề cập đến trong phần thứ hai của bài viết.

Về nguồn tin, thư viện mở đặc thù bởi tài nguyên giáo dục mở. Thuật ngữ “tài nguyên giáo dục mở” xuất hiện chính thức vào năm 2002, tại diễn đàn thường niên của UNESCO, khi trào lưu truy cập mở, giáo dục mở nở rộ toàn cầu. Tổ chức này định nghĩa tài nguyên giáo dục mở (Open Educational Resources – OER) như sau: “Tài nguyên giáo dục mở là tài liệu giảng dạy, học tập, nghiên cứu được cập nhật bằng các phương tiện kỹ thuật số hoặc phương tiện khác; phổ biến trong phạm vi công cộng hoặc phát hành theo giấy phép truy cập mở; cho phép truy cập, sử dụng, điều chỉnh và phân phối miễn phí bởi người khác một cách hạn chế hoặc không hạn chế” [8]. Dựa trên định nghĩa này, chuyên gia Lê Trung Nghĩa đã khu biệt tài nguyên giáo dục mở với dữ liệu mở và tài nguyên truy cập mở [4]. Theo đó, tài nguyên giáo dục mở thích hợp được cấp bốn loại giấy phép Creative Commons: CC BY, CC BY-SA, CC BY-NC, CC BY-NC-SA; các tài liệu được cấp phép CC BY-ND, CC BY-NC-ND không phù hợp trở thành tài nguyên giáo dục mở. Như trên đã đề cập, nguồn tin thư viện mở ở đây xác định là vì mục tiêu giáo dục. Vì vậy, vốn tài liệu của các thư viện mở này chủ yếu phải được sản xuất bởi đội ngũ chuyên gia, giảng viên của các trường đại học, tổ chức giáo dục và khoa học; có thể khai thác và sử dụng phục vụ cho quá trình học tập – giảng dạy và nghiên cứu của người dùng tin là người học, người dạy. Tài nguyên giáo dục mở được bổ sung vào thư viện mở có thể đến từ bốn nguồn chính: tự sản xuất, do cộng đồng đóng góp, số hóa xuất bản phẩm ngoài bản quyền, liên kết với nguồn học liệu truy cập mở của các trường đại học/các nhà xuất bản.

Về cách thức tiếp cận, người dùng tin tiếp cận trực tuyến, thông qua web và Internet. Nhờ đó, họ không gặp phải quá nhiều rào cản về thời gian, địa điểm và tài chính. Dù vậy, do sự phát triển chưa đồng đều của văn hóa “mở” và tính phổ cập công nghệ - kỹ thuật ở các quốc gia

trên thế giới nên những khó khăn khi tiếp cận nguồn tài nguyên xuất phát từ tuổi tác và ngôn ngữ cần được ghi nhận.

Về cách thức sử dụng nguồn tài nguyên, người dùng tin đồng thời có thể là người sản xuất, chia sẻ và hợp tác xây dựng nguồn tin. Người dùng tin không chỉ đọc/nghe/nhìn, tham khảo mà còn có thể truy cập, tái sử dụng, dịch, sửa đổi, cập nhật tùy theo loại hình giấy phép truy cập mở của tài liệu. Vấn đề cần quan tâm, trao đổi thêm ở đây là quy trình đánh giá, chọn lọc và cập nhật nguồn tin đóng góp từ cộng đồng người dùng tin của các thư viện mở để đảm bảo chất lượng và mục đích giáo dục của nguồn tin.

Về công nghệ, thư viện mở có thể xem xét sử dụng phần mềm nguồn mở để sản xuất nguồn tin, quản lý và cung cấp dịch vụ. Hiện nay, hầu hết thư viện mở đều có nguồn tài trợ, hoạt động theo cơ chế dự án phi lợi nhuận; nền tảng công nghệ là các phần mềm thương mại. Tuy nhiên, về lâu dài, thiết nghĩ, những phần mềm nguồn mở phù hợp, được trải nghiệm và được phản hồi tốt có thể giúp duy trì thư viện mở sau khi dự án ngừng lại và thúc đẩy cộng đồng/nhóm xây dựng thư viện mở dễ dàng hơn. Phần mềm nguồn mở (open source software – OSS) được phát hành theo giấy phép mở; trong đó, chủ bản quyền cấp cho người sử dụng quyền nghiên cứu, thay đổi và phân phối phần mềm với những mục đích khác nhau; phần mềm được phát triển theo cách thức cộng tác [6]. Ba hoạt động của thư viện mở có thể ứng dụng phần mềm nguồn mở: sản xuất tài nguyên giáo dục mở, quản lý và cung cấp dịch vụ thư viện. Các phần mềm nguồn mở dùng để sản xuất tài nguyên giáo dục mở có thể áp dụng là: Open Office Impress (sản xuất tài liệu trình diễn), GIMP (chỉnh sửa, sản xuất tài liệu hình ảnh), PDF Creator và Ghostscript (sản xuất tài liệu pdf), Audacity (sản xuất tài liệu âm thanh – audio), Sodipodi (sản xuất tài liệu đồ họa), ... Các phần mềm nguồn mở dùng để quản lý đồng thời cung cấp một số dịch vụ thư viện là: Koha, Evergreen, NewGenLib, Dspace, Greenstone, ... Các phần mềm nguồn mở dùng để cung cấp dịch vụ thư viện là: Drupal, Wordpress, RSSOWL, SOPAC, ... Có một vài bản khoản dẫn đến việc chưa lựa chọn phần mềm nguồn mở cho các thư viện mở hiện nay. Thứ nhất, chính sách cho các đối tượng người dùng và chính sách cho các tài liệu

của mỗi thư viện mở có thể khác nhau. Các phần mềm nguồn mở có thể chưa thực sự đáp ứng đúng, đủ định hướng này. Nếu muốn sử dụng hiệu quả, thư viện mở cần phải tùy chỉnh lại phần mềm. Nguyên tắc phát triển trên cơ sở cộng đồng tình nguyện tham gia khiến việc đảm bảo có người hỗ trợ nếu phát sinh lỗi, đặc biệt trong trường hợp phần mềm được tùy chỉnh để sử dụng vẫn còn rủi ro. Thứ hai, với hoạt động dịch vụ, người dùng tin chưa có thói quen sử dụng, chưa tiếp cận thường xuyên với các phần mềm nguồn mở như Drupal, Wordpress, RSSOWL, SOPAC, ... thay cho Google, Internet Explorer, Facebook, Youtube, Twitter, Flickr, ... thì chưa thể thấy được sự khả quan trong việc tiếp cận, cung cấp dịch vụ cho người dùng tin.

Về dịch vụ, như một tất yếu, dịch vụ của thư viện mở sẽ được triển khai trực tuyến. Khác với thư viện truyền thống, thư viện mở tập trung hướng dẫn người dùng tin cách thức tra cứu tài liệu online, tìm hiểu chính sách truy cập và sử dụng nguồn tài nguyên. Tuy nhiên, các thư viện mở hiện nay vẫn còn hạn chế trong cung cấp dịch vụ, đó là chưa thực sự “thông minh”. Từ lâu, thư viện được xem không chỉ là nơi lưu trữ và tổ chức tài liệu, nó còn là nơi khai thác, hướng dẫn và định hướng sử dụng tài liệu. Vì vậy, để phù hợp với xu hướng cá nhân hóa trong cung cấp dịch vụ, phát triển cùng công nghệ trong thời đại công nghiệp 4.0, thiết nghĩ, thư viện mở cần xây dựng các dịch vụ “thông minh” trên cơ sở kết hợp nghiệp vụ, ứng dụng số và phân tích hành vi người dùng tin.

Trên đây là một số đề xuất đặc điểm, tiêu chuẩn để “định nghĩa” một thư viện mở.

## **2. MỘT SỐ MÔ HÌNH THƯ VIỆN MỞ, THƯ VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ/ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC MỞ**

### **2.1. Trên thế giới**

*Mô hình thư viện MIT OpenCourseware (MIT OCW)* có một số tính chất của thư viện mở, phục vụ cho các chương trình đào tạo mở/trực tuyến của MIT. Ngày 04/4/2001, Viện Công nghệ Massachusetts (MIT) tạo ra trang web MIT OCW, công bố các tài liệu giáo dục được xuất bản

với giấy phép truy cập mở, phục vụ cho các khóa học trực tuyến miễn phí ở bậc đại học và sau đại học. Chương trình do Quỹ William và Flora Hewlett, Quỹ Andrew W. Mellon, và MIT tài trợ thực hiện. Hiện tại, MIT OCW được hỗ trợ tài chính từ MIT và một số doanh nghiệp, khách truy cập. Hiện tại, MIT OCW cho phép khai thác tài liệu của 2.400 khóa học, và có 300 triệu người sử dụng [5].

Nguồn tin của MIT OCW có đặc thù so với các thư viện điện tử, thư viện số khác: nó thu thập, lưu trữ và cung cấp tài liệu giáo dục truy cập mở do nội bộ sản xuất, công bố và phát hành. Tài liệu được phân tích, đánh giá nên đảm bảo chất lượng học thuật và thông tin đúng với chiến lược giáo dục của MIT, có thể hỗ trợ hiệu quả cho các nhà giáo dục và người học đạt được chiến lược giảng dạy và kết quả học tập mong muốn. Người dùng tin của MIT OCW cũng có thể là các nhà giáo dục, cộng đồng chuyên gia. Họ là những người phát triển và đóng góp tài nguyên cho MIT OCW, giúp nó phát triển bền vững, mang tính cộng đồng, đảm bảo chất lượng học thuật cao.

Cách thức tổ chức nguồn tin trên MIT OCW mang tính mục tiêu rõ rệt. Từng tài liệu, từng bộ sưu tập được liên kết với môn học, khóa học và mục tiêu học tập cụ thể; đảm bảo định hướng người dùng tin khai thác được tài liệu theo nhu cầu cá nhân giữa bao la nguồn tin. Người dùng tin có thể xem tài nguyên giáo dục bằng cách giới hạn chủ đề, nội dung khóa học, dạng tài liệu (đề cương, bài đọc, bài giảng, đề thi, lịch trình học tập, ...) mà mình có kế hoạch/đang theo đuổi. Người dùng tin cũng có thể chọn loại hình tài liệu tham khảo (video bài giảng, audio, giáo trình điện tử) phù hợp với phương thức mà mình muốn tiếp cận. Ngoài các tài liệu giáo dục truy cập mở, vì mục tiêu cung cấp thông tin giáo trình, tài liệu tham khảo phù hợp với mục tiêu đào tạo, MIT OCW còn chỉ dẫn nguồn mua bổ sung/nguồn tham khảo đối với các tài liệu có bản quyền khác.

Người dùng tin của MIT OCW là những người tự học. Ở đây, sự khác biệt với cách học truyền thống thể hiện rõ rệt: không có sự tương tác trực tiếp giữa người dạy và người học; không có vai trò giám sát, hỗ trợ, đánh giá của tổ chức giáo dục. Người học tự học, tự định hướng,

tự thiết kế chương trình học của bản thân, tự lựa chọn nội dung học tập thông qua thư viện trực tuyến. Lúc này, thư viện chính là trường đại học. Và lúc này, thư viện hay nguồn tin không phải là câu trả lời cho việc người học được giáo dục hay không được giáo dục. Dù bình đẳng ở “lối vào” – quyền truy cập nguồn tài nguyên – nhưng tính chủ động của người học mới là yếu tố quyết định trong việc tạo ra kết quả đào tạo.

Đặc điểm quan trọng tạo nên ý nghĩa, giá trị đích thực của MIT OCW là hội đồng cố vấn học thuật, đội ngũ quản trị kỹ thuật, đội ngũ sản xuất tài liệu video, đội ngũ chịu trách nhiệm xuất bản. Điều này đảm bảo chất lượng học thuật của nguồn tin, đảm bảo kỹ thuật truyền và cung cấp thông tin của website, đảm bảo quyền tác giả.

*Mô hình thư viện eTekkatho (Myanmar, <https://www.eteekkatho.org>)* có thể xem là thư viện công cộng mở, phục vụ cho giáo dục.

Về nguồn tin: eTekkatho khai thác các tài nguyên giáo dục mở sẵn có trên mạng Internet; phân loại theo chủ đề. Tài liệu được xem xét và đánh giá bởi ít nhất hai chuyên gia thuộc chủ đề đó; được cập nhật vào thư viện; và được cung cấp cho các chương trình giảng dạy đại học của các trường đại học ở Myanmar. Hai nguồn tài liệu giáo dục mở được eTekkatho thu thập đáng kể là MIT OCW và Khan Academic. Ngoài ra, eTekkatho cũng tích hợp các tài liệu điện tử được các nhà xuất bản hỗ trợ (như UNESCO, Worldbank, WorldFish, FAO, British Council, ...).

Về cách tổ chức nguồn tin: eTekkatho tổ chức tài liệu thành 9 chủ đề: địa lý, khoa học trái đất, môi trường, tiếng Anh, giáo dục, sư phạm, công nghệ thông tin, toán học, phương pháp và phương tiện nghiên cứu khoa học.

Về phương thức phục vụ: eTekkatho có cả phiên bản ngoại tuyến và phiên bản Internet; nghĩa là dù không có kết nối mạng, người dùng tin vẫn có thể xem, đọc tài liệu và tự học. Điều này rất có ý nghĩa đối với những nước đang phát triển; ở những khu vực còn khó khăn về công nghệ và tài chính hạn chế. eTekkatho cũng đầu tư dịch thuật một số tài liệu từ tiếng Anh sang tiếng Myanmar để phục vụ tốt hơn cho cộng đồng người học của đất nước này; giúp phá bỏ phần nào rào cản ngôn ngữ để tiếp cận rộng hơn với nguồn tài nguyên học thuật trên thế giới.

Về hiệu quả triển khai: eTekkatho thực sự là thư viện kiểu mới khi nó chủ động tiếp cận với người dùng tin để hoạt động hiệu quả theo đúng định hướng thành lập ban đầu. eTekkatho hợp tác chặt chẽ với các trường đại học tại Myanmar; phát triển tài liệu đáp ứng đúng nhu cầu của các chương trình giảng dạy mà các trường đại học này đang triển khai; cung cấp dịch vụ truy cập, tham khảo online và cả offline cho người dùng tin ở các trường thành viên. Chỉ cần ở trong khuôn viên của trường đối tác với eTekkatho, sử dụng mạng cục bộ của các trường này, người dùng tin có thể truy cập đầy đủ bộ sưu tập của thư viện. Số lượng 30 trường đại học, tổ chức đối tác ở Myanmar đang sử dụng eTekkatho cho thấy thư viện này đã lựa chọn, định hướng đúng tương lai của mình.

*Mô hình thư viện Đại học Mở UK (Milton Keynes, MK7 6BJ, UK - <http://www.open.ac.uk/library>)* là hình ảnh thực tế của một thư viện xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu của một trường đại học mở.

Thứ nhất, thư viện Đại học Mở UK là thư viện điện tử, cho phép truy cập và sử dụng trực tuyến.

Thứ hai, nguồn tài nguyên của thư viện UK gồm tài liệu điện tử và tài nguyên giáo dục truy cập mở. Tài liệu điện tử của UK gồm sách điện tử (tài liệu in ngoài bản quyền được số hóa), tạp chí điện tử (đã được lựa chọn để nội dung đảm bảo chất lượng học thuật và cho phép xuất bản online), bài báo khoa học, bách khoa toàn thư, hình ảnh, âm thanh, cơ sở dữ liệu, ... Tài nguyên giáo dục truy cập mở của UK cho phép mọi người truy cập miễn phí để tham khảo một số tài liệu phục vụ đào tạo và nghiên cứu do UK sản xuất. Nguồn tài nguyên này bao gồm: cơ sở dữ liệu sách điện tử học thuật truy cập mở dành cho các môn học, tạp chí truy cập mở được kiểm soát chất lượng, hồ sơ truy cập mở do cộng đồng đóng góp.

Thứ ba, thư viện UK có chính sách riêng dành cho từng đối tượng sử dụng: miễn phí hoặc thu phí tùy thuộc vào mức độ truy cập, sử dụng tài liệu và nhu cầu được đánh giá, được ghi nhận, được cấp chứng chỉ của người dùng tin. Đối tượng sử dụng của thư viện UK có thể là người học, người dạy, người nghiên cứu, người học và người dạy ngoài trường là thành viên của SCONUL Access, gia sư ở các địa phương của tổ chức giáo dục thuộc OU.

Thứ tư, nếu thư viện truyền thống không mấy lo ngại về bản quyền vì tài liệu được bổ sung đa số là tài liệu in thì thư viện UK – với tính chất là thư viện trực tuyến – lại có những lưu ý quan trọng về bản quyền trong quá trình giới thiệu nguồn tài nguyên, ghi chú mỗi tài liệu và hướng dẫn người dùng tin truy cập, sử dụng (hướng dẫn trực tuyến, chú ý đến tìm kiếm thông minh).

Thứ năm, các dịch vụ của thư viện UK được cung cấp trực tuyến và thể hiện một số đặc điểm “thông minh” khi nhận biết và cung cấp dịch vụ mang tính đáp ứng nhu cầu cá nhân hóa. Dựa trên thông tin môn học, khóa học mà người học đang tham gia, thư viện UK cung cấp danh mục tài liệu phục vụ mục tiêu và sở thích học tập của họ thông qua tài khoản cá nhân. Bên cạnh đó, Thư viện UK giúp kết nối cộng đồng những người dùng tin có cùng mối quan tâm, cùng mục tiêu trong một số câu lạc bộ online để giúp họ trao đổi, cộng tác với nhau. Ngoài ra, thư viện UK cũng thường xuyên giới thiệu các bộ sưu tập nguồn tin mà người dùng có thể đang tìm kiếm, đang tìm hiểu để giúp họ định hướng truy cập nhanh chóng, hiệu quả hơn.

## 2.2. Tại Việt Nam

*Mô hình Nguồn Học liệu mở của RMIT Vietnam (<http://rmit.libguides.com/openeducationalresources>)* là một hình thức thư viện mở mà các trường đại học có thể “tham quan” thực tế và học hỏi kinh nghiệm ngay tại Việt Nam.

Nguồn học liệu mở RMIT Vietnam không phục vụ cho một chương trình đào tạo hay khóa đào tạo mở/trực tuyến nào. Nó là nguồn tài nguyên, dịch vụ được tổ chức song hành cùng thư viện tài liệu in, thư viện điện tử của RMIT để phục vụ cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu của RMIT Vietnam và cộng đồng.

Về website: Nguồn học liệu mở RMIT Vietnam có cả giao diện tiếng Anh và tiếng Việt; dễ dàng với những người muốn tìm hiểu hoạt động và các nguồn tin của thư viện này.

Về nguồn tin: Nguồn học liệu mở RMIT Vietnam chủ yếu giới thiệu các cơ sở dữ liệu tài nguyên giáo dục mở ngoại văn theo dạng dẫn



đường link; không phải tải tài liệu về và sau đó biên mục, xử lý, upload, lưu trữ trên website. Vì vậy, dù có cả giao diện tiếng Việt nhưng người dùng tin vẫn sẽ có một bộ phận không thể tiếp cận, tham khảo với các tài liệu giáo dục truy cập mở thư viện giới thiệu do hạn chế về ngôn ngữ. Đây là một hạn chế của thư viện; khi người dùng tin không thể truy cập trực tiếp và tiếp cận dễ dàng với tài liệu.

Về cách thức tổ chức nguồn tin: Nguồn học liệu mở RMIT Vietnam tổ chức nguồn tin theo chín chủ đề, phù hợp với lĩnh vực đào tạo của Trường: Kinh doanh – Thương mại – Quản lý, Khoa học máy tính, Giáo dục, Kỹ thuật, Y học, Tiếng Anh – Tiếng Nhật, Truyền thông – Thiết kế - Nghệ thuật thị giác, Kỹ năng nghiên cứu dành cho học viên sau đại học, Du lịch – Quản trị nhà hàng khách sạn. Trong mỗi chủ đề, thư viện giới thiệu các cơ sở dữ liệu tài nguyên giáo dục mở theo từng dạng tài liệu: giáo trình, video, đề cương - bài giảng – bài đọc của khóa học, tài liệu tham khảo – bài báo khoa học – báo cáo – luận văn. Đặc biệt, RMIT Vietnam đã tạo lập Kho dữ liệu nghiên cứu của RMIT và tích hợp, giới thiệu trên trang này. Kho dữ liệu mang tính chất là thư mục online, cho phép và chỉ dẫn người dùng tin đến nguồn tài nguyên nội sinh của RMIT ở các lĩnh vực. Nguồn tài nguyên nội sinh này đa phần là bài báo khoa học và các chương sách, giáo trình. Nếu nguồn tài nguyên này được xem xét, phát hành theo loại hình tài liệu giáo dục truy cập mở và được xử lý, cập nhật để người dùng tham khảo trực tiếp thì sẽ càng hiệu quả, đúng với tính chất “mở” của thư viện hơn.

Về đối tượng phục vụ: Nguồn học liệu mở của RMIT Vietnam ngoài đối tượng người dùng tin nội bộ còn hướng đến đối tượng người dùng tin là cựu sinh viên và các cá nhân, tổ chức ngoài trường. Điều này phù hợp với mục đích xây dựng thói quen và tinh thần tự học, học tập suốt đời cho người học trong và cả sau khi họ rời trường; đồng thời, duy trì sự hỗ trợ của thư viện với cựu sinh viên, với cộng đồng và giữ gìn, phát triển mối quan hệ gắn bó, lâu dài giữa thư viện/trường đại học với người học, cộng đồng.

*Mô hình Thư viện học liệu mở Việt Nam (VOER – <http://voer.edu.vn>)* là kết quả đáng ghi nhận của cộng đồng những người tâm huyết, muốn

xây dựng và đóng góp để phát triển tài liệu truy cập mở ở Việt Nam. VOER được hỗ trợ bởi Quỹ Việt Nam; vì mục đích phục vụ giáo dục.

Về nguồn tin: Toàn bộ tài liệu trên VOER là tài nguyên giáo dục truy cập mở; được biên soạn, phát hành và sử dụng theo giấy phép Creative Commons Attribution. Các tài liệu này chủ yếu được viết bằng tiếng Việt, một số được viết bằng tiếng Anh, không có ngôn ngữ khác. Dạng tài liệu chỉ mới giới hạn ở văn bản, chưa có các dạng tài liệu khác như âm thanh, hình ảnh, video. Thư viện cho phép xem trực tiếp tài liệu trên website; tải tài liệu về với định dạng file pdf và file epub, phù hợp và thuận lợi cho cả việc truy cập, xem, đọc trên máy tính và trên thiết bị di động. Nguồn tin trên VOER do cộng đồng người Việt (trong đó có không ít chuyên gia, nhà giáo) đóng góp.

Về cách thức tổ chức nguồn tin: Nguồn tin phục vụ đào tạo nên có hai loại hình tài liệu cơ bản là tài liệu tham khảo và giáo trình. Tài liệu được sắp xếp vào sáu chủ đề: Kinh doanh, Khoa học xã hội, Khoa học và Công nghệ, Nhân văn, Nghệ thuật, Toán học và Phân tích. Hạn chế đầu tiên cần phải xem xét trong việc tổ chức nguồn tin trên thư viện này là tài liệu chưa được biên mục. Điều này sẽ hạn chế khả năng tìm kiếm, tra cứu cũng như xem lướt thông tin tài liệu của người dùng tin. Hạn chế thứ hai là vấn đề đánh giá, phân tích chất lượng nguồn tin trên thư viện vẫn còn bỏ ngỏ. Website thư viện có công cụ cho phép người dùng tin gửi bình luận, phản hồi về tài liệu. Tuy nhiên, cộng đồng người dùng tin chưa đóng góp ý kiến nhiều; và chưa có sự tham gia đánh giá của chuyên gia nên cơ sở để bộ phận quản lý thư viện quyết định ngừng cung cấp/tiếp tục cung cấp/phát triển/cập nhật đối với tài liệu cụ thể vẫn còn bỏ ngỏ. Hạn chế thứ ba là VOER phục vụ cho giáo dục nhưng chưa cộng tác với các trường đại học. Vì vậy, mỗi tài liệu chưa được chỉ dẫn phục vụ, tham khảo cho môn học, khóa học, chương trình đào tạo cụ thể nào; dẫn đến người dùng tin chưa khai thác hiệu quả và chưa thấy được ý nghĩa thực tế trong việc tài liệu phục vụ cho nhu cầu giáo dục của cá nhân.

Về công nghệ: Giao diện website có định hướng phát triển cả tiếng Việt lẫn tiếng Anh; tuy nhiên, hiện tại, giao diện tiếng Anh vẫn chưa

được xây dựng hoàn chỉnh. Công cụ để cộng đồng upload và đóng góp tài liệu tuy có hiện thị nhưng chưa có hướng dẫn sử dụng.

Như trên đã trình bày, xu hướng xuất bản mở, thư viện mở đang được cộng đồng giáo dục trên thế giới và Việt Nam quan tâm, xây dựng và phát triển. Một số mô hình mang lại kết quả tốt đẹp, tạo được ảnh hưởng đến nền giáo dục. Đó là ý nghĩa, giá trị thực tế để chúng ta cùng cố mục đích tiếp tục định hướng phát triển thư viện mở.

### **3. MỘT SỐ ĐỀ XUẤT ĐỂ XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN THƯ VIỆN MỞ PHỤC VỤ GIÁO DỤC TẠI VIỆT NAM**

Một, cần có chính sách hỗ trợ, khuyến khích, kết nối các chuyên gia, nhà nghiên cứu, nhà giáo, kỹ thuật viên; các thư viện công cộng, thư viện trường học; các trường đại học và tổ chức giáo dục tham gia xây dựng kho tài liệu truy cập mở. Cốt lõi là hướng các đối tượng này suy nghĩ, tư duy về sự ảnh hưởng, tác động tích cực của dữ liệu mở đối với xu hướng giáo dục trực tuyến, giáo dục công nghệ ngày nay. Khi có cùng nhu cầu, cùng mối quan tâm, cùng mục tiêu và được phân tích, được cung cấp chỉ dẫn, họ có thể giao tiếp, trao đổi và hợp tác để xuất bản và xây dựng nguồn tài nguyên giáo dục mở Việt Nam. Có thể thành lập nhóm chuyên gia của nhiều lĩnh vực và xây dựng hoạt động cụ thể để làm mẫu trước. Đây chính là nền tảng quan trọng để tạo lập thư viện mở.

Hai, khảo sát và nhận biết nhu cầu sử dụng của người dùng tin để xây dựng, tổ chức thư viện mở hiệu quả. Điều này sẽ giúp một thư viện mở được xây dựng theo định hướng đúng, phù hợp với sự phát triển tất yếu của xã hội, không bị “chết yểu” và đảm bảo nó hoạt động hiệu quả, thường xuyên điều chỉnh để đáp ứng khi nhu cầu của người dùng thay đổi. Việc khảo sát này cần được tiến hành trước khi xây dựng thư viện mở và trong suốt quá trình hoạt động thư viện mở. Thư viện mở có thể cung cấp dịch vụ một cách “thông minh” bằng việc kết hợp giữa công nghệ và dịch vụ, nhận thức nhu cầu người dùng tin thông qua dấu vết sử dụng, phân tích hành vi. Một số những giả thiết chúng ta có thể nghĩ đến và cần được khảo sát để đưa ra nhận định chính xác, nhằm triển khai thư viện mở như mong muốn, chẳng hạn: với người dùng Việt Nam, nhu cầu khai thác tài liệu tiếng Việt có thể cao hơn tài liệu tiếng Anh trong

khi nguồn tài liệu giáo dục truy cập mở này chưa đủ lớn; với những nhà nghiên cứu, tài liệu cần được đánh giá và có hàm lượng học thuật cao, thường là các sản phẩm thông tin khoa học dạng văn bản; với học sinh, sinh viên, cùng với tính nhạy bén và yêu thích mạng xã hội, thiết bị nghe – nhìn thì các tài liệu giáo dục truy cập mở dạng audio, video, epub, hình ảnh, ... sẽ được khai thác nhiều hơn.

Ba, xây dựng và phát triển năng lực công nghệ và ý thức tự học của người dùng tin. Với đặc trưng tổ chức và hoạt động trên môi trường mạng, người sử dụng dịch vụ của thư viện mở cần có nền tảng công nghệ nhất định. Hai khía cạnh công nghệ mà họ cần được đào tạo và phát triển là khả năng sử dụng thiết bị công nghệ để kết nối với thư viện mở (máy tính, điện thoại di động, ...) và khả năng thao tác/tương tác với môi trường trực tuyến của thư viện mở (xem, tải về, đóng góp tài liệu, tái sử dụng, bình luận, phản hồi, bảo mật và quản lý tài khoản, liên hệ, ...). Việc hướng dẫn sử dụng cho người dùng tin thuộc nội bộ tổ chức, đơn vị triển khai thư viện mở sẽ dễ dàng hơn là cho người dùng tin bên ngoài. Có thể suy nghĩ đến hình thức hướng dẫn qua email, tin nhắn, video.

Bốn, phát triển cơ sở hạ tầng, không gian mạng nhằm phục vụ tốt hơn cho đối tượng người dùng còn khó khăn, để họ tiếp cận miễn phí với tài liệu và tự học. Mục đích đầu tiên mà đa số các thư viện mở hướng đến chính là cung cấp cơ hội tiếp cận tài nguyên giáo dục miễn phí, từ xa mà không bị hạn chế bởi địa lý, tài chính cho những người dùng tin đam mê tìm hiểu, có khả năng tự học, tự nghiên cứu. Để thư viện mở thực sự lan tỏa và đạt được giá trị xã hội ban đầu ấy, cần thiết phải phát triển cơ sở hạ tầng, không gian mạng; đặc biệt là ở Việt Nam – một nước đang phát triển và có nhiều khu vực còn khó khăn.

Năm, thiết yếu phải xây dựng được văn hóa phục vụ cộng đồng. Cá nhân, tổ chức phục vụ cộng đồng. Với những người đóng góp nguồn tin, họ cần từ bỏ lợi ích tài chính từ xuất bản truyền thống. Với những người dùng tin, họ cần tôn trọng chủ bản quyền tài liệu và tuân thủ nguyên tắc tham khảo, tái sử dụng tài liệu. Với các trường đại học, các thư viện, dữ liệu thu thập, sản xuất, tổ chức cần được chia sẻ, liên kết

cho các trường đại học, các thư viện khác để việc lưu trữ, tìm kiếm, khai thác thực sự “mở” như bản chất của nó. Thiết nghĩ, đây chính là điều Việt Nam chưa thực sự sẵn sàng hiện nay.

Tóm lại, để xây dựng thư viện mở phục vụ cho giáo dục mở tại Việt Nam, nhiều việc cần được lập kế hoạch và triển khai thực hiện trên cơ sở nhận định thực tế, trao đổi giải pháp, thống nhất ý chí và nỗ lực thực hiện.

Bài viết đã thể hiện phần nào đặc điểm, điều kiện cần có của một thư viện mở. Cùng với đó, những phân tích về các mô hình thư viện mang tính chất mở trên thực tế là gợi ý để mọi người cùng suy nghĩ và định hướng mở rộng số lượng, nâng cao chất lượng nguồn tin và xây dựng thư viện mở hiệu quả. Thư viện mở, với nguồn tài nguyên giáo dục truy cập mở, vì mục đích giáo dục mở - cung cấp cơ hội học tập cho cộng đồng không hạn chế về tài chính, địa lý, ngôn ngữ là sự hỗ trợ thiết thực, ý nghĩa cho người dùng tin, cho cộng đồng. Cần thiết phải thiết kế, xây dựng thành công và triển khai hoạt động hiệu quả thư viện mở để tiếp được xu hướng giáo dục mở./.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Corrado, Edward M. (2005), “The Importance of Open Access, Open Source, and Open Standards for Libraries”, *Science & Technology Librarianship* 42, <http://www.istl.org/05-spring/article2.html>, truy cập ngày 10/8/2019.
2. Iiyoshi, Toru & Vijay Kumar M.S (2008), *Opening Up Education – The Collective Advancement of Education through Open Technology, Open Content, and Open Knowledge*, The MIT Press.
3. Joseph A. Salem Jr. (2017), “Open Pathways to Student Success: Academic Library Partnerships for Open Educational Resource and Affordable Course Content Creation and Adoption”, *The Journal of Academic Librarianship*, Vol. 43, Issue 1, tháng 1/2017, 34 – 38.
4. Lê Trung Nghĩa (2018), “Cấp phép mở Creative Commons cho các tài nguyên truy cập mở, tài nguyên giáo dục mở và dữ liệu mở”, *Kỷ yếu hội thảo Hệ thống giáo dục mở trong bối cảnh tự chủ giáo dục và hội nhập quốc tế, tập 1*, 516 – 521.

5. MIT OCW, *About OCW*, <https://ocw.mit.edu/about/>, truy cập ngày 10/8/2019.
6. St. Laurent, Andrew M. (2008), *Understanding Open Source and Free Software Licensing*, O'Reilly Media.
7. Swan, Alma & Brown, Sheridan (2004), “Authors and Open Access Publishing”, *Learned Publishing*, Vol 17, Issue 3, tháng 7/2004, 179–254.
8. UNESCO (2016), What are *Open Education Resources (OERs)*?, <https://en.unesco.org/themes/building-knowledge-societies/oer>, truy cập ngày 10/8/2019.